

Số: 20/TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

Thực hiện Kế hoạch năm 2026, Học viện Phụ nữ Việt Nam (Học viện) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng đợt 1 năm 2026, cụ thể như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

STT	Tên ngành	Tên mã	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Quản trị kinh doanh	8340101	20
2	Công tác xã hội	8760101	30
3	Luật	8380101	40
4	Kinh tế học	8310101	20
5	Tâm lý học lâm sàng	8310402	35

II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Hình thức đào tạo: vừa làm vừa học (dự kiến các ngày cuối tuần)

III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN TUYỂN SINH

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I (đính kèm) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

d- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. Có đủ sức khỏe để học tập.

e- Nộp hồ sơ dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

f- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và đáp ứng các Điểm a, d Khoản 1 Điều này (lý lịch và nhân thân của thí sinh cần được Đại sứ quán xác nhận, trường hợp cần thiết có thể lấy thêm xác nhận của cơ quan an ninh văn hóa).

3.2. Phương thức tuyển sinh

3.2.1. Xét tuyển thẳng: Thí sinh đã tốt nghiệp đại học trong thời gian 2 năm (đến thời điểm tuyển sinh thạc sĩ) có mức xếp loại tốt nghiệp từ loại Giỏi trở lên đủ điều kiện về ngoại ngữ được xét tuyển thẳng thạc sĩ ngành/chương trình đào tạo tương ứng; trong trường hợp bằng tốt nghiệp đại học của thí sinh không đúng ngành, thí sinh phải học bổ sung kiến thức theo quy định để đảm bảo quyền ưu tiên tuyển thẳng.

3.2.2. Xét tuyển theo hình thức trình bày bài luận và phỏng vấn: Thí sinh dự tuyển không thuộc đối tượng tuyển thẳng sẽ tham gia xét tuyển theo hình thức trình bày bài luận và phỏng vấn (hướng dẫn mẫu bài luận theo Phụ lục 9).

3.3. Thời gian tuyển sinh

3.3.1. Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 24/02/2026 đến ngày 10/4/2026.

3.3.2. Thời gian xét tuyển dự kiến: từ ngày 20/4 - 24/4/2026.

3.3.3. Thời gian công bố kết quả và phúc khảo (nếu có) dự kiến: từ ngày 04/5 - 08/5/2026.

3.4. Thời gian nhập học dự kiến: Tháng 5/2025

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả trường



hợp một người có nhiều nội dung ưu tiên) theo quy định tại Khoản 1 Điều này được cộng vào kết quả đánh giá 10 điểm trong phiếu đánh giá xét tuyển hoặc trong tổng điểm thi của thí sinh.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN, HỌC PHÍ DỰ KIẾN

5.1. Hồ sơ tuyển sinh:

- Thí sinh tải các loại mẫu giấy tờ có trong hồ sơ tuyển sinh từ website (<https://tuyensinh.hvpnv.vn.edu.vn>), hoàn thiện và nộp theo thời gian quy định (Phụ lục 7 kèm theo).

- Lệ phí nộp hồ sơ 200.000 đồng.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng.
- Lệ phí hướng dẫn làm bài luận 600.000 đồng.
- Lệ phí xác minh văn bằng, chứng chỉ: 300.000 đồng/thí sinh.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo, Học viện Phụ nữ Việt Nam (Phòng 307 Toà nhà A2, Học viện Phụ nữ Việt Nam, số 68 đường Nguyễn Chí Thanh – phường Láng - thành phố Hà Nội).

- Thời gian khai giảng dự kiến: Tháng 05/2026.

5.2. Học phí dự kiến năm học năm học 2026 - 2027:

- Số tiền 13.485.000 đồng/kỳ đối với các ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh, Công tác xã hội, Luật, Kinh tế học;

- Số tiền 14.250.000 đồng/kỳ đối với ngành Tâm lý học lâm sàng.

Mức học phí trên được áp dụng theo quy định đối với trường công lập, có điều chỉnh theo năm học; Học viện sẽ thông báo mức thu học phí của học kỳ I trong thông báo trúng tuyển và nhập học.

5.3. Thời gian tổ chức học tập: dự kiến vào các ngày cuối tuần.

Lưu ý: Đối với những thí sinh dự tuyển chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ theo quy định, đề nghị liên hệ theo số hotline 0826228899 để được tư vấn và hỗ trợ.

Mọi thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Đào tạo, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Điện Thoại: 02437.751750; 0912347895; 0826228899; 0983122281.

Website Học viện: www.hvpnv.vn.edu.vn; email: tuyensinh@vwa.edu.vn.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Website Học viện;
- Lưu ĐT, VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tiến

PHỤ LỤC 1
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO RÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL IBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ -Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
7	Aptis ESOL International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)
8	Pearson Test of English Academic (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)
9	Pearson English International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)
10	Versant English Placement Test (VEPT)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	



- Công nhận văn bằng, chứng chỉ của các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép, tổ chức thi, cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt nam.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP¹

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Ngành Quản trị kinh doanh

STT	Ngành	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	
2	Marketing	
3	Bất động sản	
4	Kinh doanh quốc tế	
5	Kinh doanh thương mại	
6	Thương mại điện tử	
7	Kinh doanh thời trang và dệt may	

2. Ngành Công tác xã hội

STT	Ngành	Ghi chú
1	Công tác xã hội	
2	Công tác thanh thiếu niên	
3	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	

3. Ngành Luật

STT	Ngành	Ghi chú
1	Luật	
2	Luật hiến pháp và luật hành chính	
3	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
4	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
5	Luật kinh tế	
6	Luật quốc tế	
7	Luật Thương mại quốc tế	
8	Luật Kinh doanh	
9	Các ngành Luật khác	

¹ Thí sinh tốt nghiệp những ngành này sẽ không phải học bổ sung kiến thức của ngành tuyển sinh thạc sĩ tương ứng

4. Kinh tế học

STT	Ngành	Ghi chú
1	Ngành Kinh tế	
2	Kinh tế chính trị	
3	Kinh tế đầu tư	
4	Kinh tế phát triển	
5	Kinh tế quốc tế	
6	Thống kê kinh tế	
7	Toán kinh tế	
8	Kinh tế số	

5. Ngành Tâm lý học lâm sàng

STT	Ngành	Ghi chú
1	Tâm lý học	
2	Tâm lý giáo dục	

¹ Thí sinh tốt nghiệp những ngành này sẽ không phải học bổ sung kiến thức của ngành tuyển sinh thạc sĩ tương ứng



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 04/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học nhóm ngành: Ngành Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế phải học bổ sung kiến thức 4 môn (12 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị marketing	3
2	Quản trị nguồn nhân lực	3
3	Quản trị học	3
4	Khởi nghiệp kinh doanh	3
	Tổng số	12

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 7 học phần (21 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Quản trị marketing	3
5	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
6	Quản trị nguồn nhân lực	3
7	Khởi nghiệp kinh doanh	3
	Tổng số	21

* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.



PHỤ LỤC 4

**DANH MỤC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)**

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành Công tác thanh thiếu niên; Ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật phải học bổ sung kiến thức 4 học phần (11 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Công tác xã hội	2
2	Công tác xã hội cá nhân	3
3	Công tác xã hội nhóm	3
4	Phát triển cộng đồng	3
	Tổng số	11

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 8 học phần (23 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Công tác xã hội	2
2	Lý thuyết công tác xã hội	3
3	An sinh xã hội	3
4	Chính sách xã hội	3
5	Công tác xã hội cá nhân	3
6	Công tác xã hội nhóm	3
7	Phát triển cộng đồng	3
8	Quản trị công tác xã hội	3
	Tổng số	23

* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.



PHỤ LỤC 5

DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH LUẬT (PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành: Chính trị học, Quản lý nhà nước, Hành chính công phải học bổ sung kiến thức 04 học phần (15 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Luật Hiến pháp	3
2	Luật Hành chính	4
3	Luật Dân sự	4
4	Luật Hình sự	4
	Tổng số	15

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/nhóm ngành: Kinh tế học, Xã hội học, Tâm lý học, Báo chí và Truyền thông, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh và quản lý phải học bổ sung kiến thức 08 học phần (28 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	4
2	Luật Hiến pháp	3
3	Luật Hành chính	4
4	Luật Dân sự	4
5	Luật Hình sự	4
6	Luật Doanh nghiệp	3
7	Luật Công pháp quốc tế	3
8	Luật Tư pháp quốc tế	3
	Tổng số	28

* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH KINH TẾ HỌC
(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành: Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý phải học bổ sung kiến thức 6 học phần (18 tín chỉ), bao gồm:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Kinh tế vĩ mô	3
2.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
3.	Kinh tế phát triển	3
4.	Kinh tế quốc tế	3
5.	Kinh tế đầu tư	3
6.	Kinh tế vi mô	3
Tổng số tín chỉ		18

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành: Luật; Luật kinh tế; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý đất đai; Công nghệ thông tin; Truyền thông đa phương tiện; Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Quản hệ lao động; Quản lý dự án phải học bổ sung kiến thức 9 học phần (27 tín chỉ), bao gồm:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Kinh tế vĩ mô	3
2.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
3.	Kinh tế phát triển	3
4.	Kinh tế quốc tế	3
5.	Kinh tế đầu tư	3
6.	Kinh tế vi mô	3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
7.	Lý thuyết tài chính tiền tệ ngân hàng	3
8.	Nguyên lý kế toán	3
9.	Thống kê kinh tế	3
Tổng số tín chỉ		27

** Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.*





PHỤ LỤC 7

**DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG
(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)**

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học nhóm ngành: Công tác xã hội; Giáo dục học; Giáo dục đặc biệt, Y học dự phòng, Y khoa phải học bổ sung kiến thức 06 học phần (18 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Tâm bệnh học 1	3
2	Tâm bệnh học 2	3
3	Tham vấn tâm lý	3
4	Tâm lý học lâm sàng	3
5	Các lý thuyết tham vấn, trị liệu tâm lý	3
6	Khoa học chẩn đoán tâm lý	3
	Tổng số	18

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Xã hội học, Giới và phát triển phải học bổ sung kiến thức 09 học phần (27 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Các lý thuyết trong tham vấn, trị liệu tâm lý	3
2	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3
3	Khoa học chẩn đoán tâm lý	3
4	Tâm bệnh học 1 (Tâm bệnh học trẻ e và TTN)	3
5	Tâm bệnh học 2 (Tâm bệnh học người lớn)	3
6	Đánh giá lâm sàng	3
7	Trị liệu tâm lý	3
8	Tham vấn tâm lý	3
9	Tâm lý học phát triển	3
	Tổng số	27

* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.

**PHỤ LỤC 8****DANH MỤC HỒ SƠ TUYỂN SINH**

*(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HVPNVN ngày 24/02/2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu trên website Học viện: www.hvpnv.vn.edu.vn);
2. Sơ yếu lý lịch;
3. Giấy khám sức khỏe (do bệnh viện cấp không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
4. Công văn cử cán bộ đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan (nếu có);
5. Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
6. Bản sao chứng thực Bằng/ Chứng chỉ ngoại ngữ;
7. Căn cước công dân bản photo;
8. 02 ảnh cỡ 3x4 không quá 3 tháng, ghi rõ họ tên.
9. Các giấy tờ ưu tiên (nếu có)

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU ĐĂNG KÝ

XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

1. SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên (viết in hoa): Giới tính:
 Ngày sinh: Nơi sinh (tỉnh):
 Dân tộc: Số CCCD:
 Điện thoại (ĐD): (NR):
 (CQ): Email:
 Địa chỉ liên hệ (nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể):

Đối tượng dự thi (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

- Cán bộ, công chức nhà nước ☐
- Thí sinh tự do ☐
- Đối tượng khác (ghi rõ) (DNNN, liên doanh, TNHH, cổ phần, ...) ☐

Đối tượng ưu tiên (Thương binh, dân tộc, công tác tại hải đảo, miền núi, ...)

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Bằng đại học thứ nhất

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:
 Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:
 Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp:

2.2. Bằng đại học thứ hai (nếu có)

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:
 Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:
 Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp:

3. CÔNG VIỆC HIỆN NAY (ghi rõ chuyên môn, chức vụ, cơ quan công tác)

.....

4. ĐẠT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TỪ BẬC 3 TRỞ LÊN THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM:.....

5. NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI :

6. ĐĂNG KÝ THỜI GIAN HỌC SAU KHI TRÚNG TUYỂN

(Thí sinh đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

- **Cuối tuần:** (tối thứ sáu, sáng+chiều: thứ bảy+chủ nhật, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm).... ☐

Ghi chú: - Thời gian học: Sáng: 8^{h00} - 12^{h00}; Chiều: 13^{h30} - 17^{h40}; Tối: 18^{h00} - 20^{h30}

CAM ĐOAN CỦA THÍ SINH

.....

Ngày tháng năm 2026

Thí sinh đăng ký dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Cơ quan:

Đồng ý cử Ông/Bà.....

Sinh ngày:.....

Hiện nay là cán bộ phụ trách công việc

của cơ quan đến Học viện Phụ nữ Việt Nam làm thủ tục dự tuyển sinh thạc sĩ năm 20.....

chuyên ngành

.....

thuộc hệ đào tạo thạc sĩ. Đề nghị Quý Nhà trường xem xét và tạo điều kiện cho ông/bà

..... tham gia kỳ tuyển sinh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 9
BÀI LUẬN CHUYÊN NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Trang bìa

Gồm những thông tin sau:

Họ và tên thí sinh:

Cơ quan công tác:

Chuyên ngành dự tuyển:

Mã số chuyên ngành:

Tiêu đề bài luận:

2. Nội dung bài luận

Bài luận (dài 7-8 trang), cho thấy ứng viên phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển, tập trung vào những gợi ý sau:

1. Mục đích, lí do đăng ký xét tuyển vào Học viện Phụ nữ Việt Nam
2. Lý do lựa chọn ngành, chuyên ngành đăng ký xét tuyển
3. Mục tiêu nghề nghiệp tương lai
4. Vấn đề quan tâm, dự kiến và đề xuất hướng nghiên cứu ứng dụng. Bài luận dự tuyển chuyên ngành ứng dụng cần tập trung vào các định hướng ứng dụng tương ứng.

Bài luận chuyên ngành của người xét tuyển có nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ, phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, văn phong trong sáng, trình bày rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về người dự tuyển với những thông tin mới (không lặp lại những thông tin đã hiển thị trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu,...)

Một số quy định:

- Không đưa thông tin cá nhân của ứng viên như họ tên vào các trang trong bài luận ngoại trừ trang bìa.

- Sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ 14 hệ soạn thảo Winword.

- Bài luận được đóng bìa mềm, trang bìa được trình bày theo mẫu.

- Lề của trang giấy viết bài luận: lề trên 2,0 cm; lề dưới 2,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm

- Đánh số trang trên tổng số trang ở phía dưới và giữa mỗi trang giấy (VD: 1/5...5/5)

- Thí sinh cần đảm bảo chất lượng của bản scan bài luận. Nếu scan thiếu trang, thiếu phần hoặc có phần chữ mờ không đọc được thì thí sinh không được chấm phần đó.



HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM



**BÀI LUẬN CHUYÊN NGÀNH DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Họ và tên thí sinh:

Cơ quan công tác:

Chuyên ngành dự tuyển:

Mã số chuyên ngành:

Tiêu đề bài luận:

Năm dự tuyển:

HÀ NỘI, THÁNG NĂM 2026